

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ

Ngày: 18/10/2021.

V/v: Ly hôn.

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN HUYỆN D - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc L

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Phạm Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án N dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 201/2021/TLST- HNGĐ ngày 17/6/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 632021/QĐST- HNGĐ ngày 30/9/2021, giữa các đương sự:

- NgY đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1989

Địa chỉ nơi cư trú: T, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1985

Địa chỉ nơi ĐKNKTT: TL, xã H, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ nơi cư trú: T, thôn Th1, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày: Bà L và ông Nguyễn Ngọc H tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Diên H năm 2007. Thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên thường xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. NgY N là do ông H ham mê cờ bạc, gây nợ nần, bà L phải nhiều lần trả nợ cho ông H Vào năm 2019, bà L có đơn xin ly hôn ông H tại Tòa án N dân huyện D, sau đó rút đơn, cho ông H cơ hội nhưng ông H vẫn không thay đổi. Nay, mâu thuẫn giữa bà L và ông H không thể hàn gắn được, bà L xác định không còn tình cảm với ông H, yêu cầu Tòa

án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 17/11/2012 và Nguyễn Ngọc Mỹ Y, sinh năm 26/9/2008; bà L yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Bà L và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Bà L xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H theo các lời khai tại hồ sơ vụ án trình bày: Về thời gian chung sống và địa điểm kết hôn ông H cũng thống nhất như bà L đã nêu. Trong thời gian chung sống, ông và bà L có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ giữa hai bên. Ông H xác nhận có việc vào khoảng thời gian 04 - 05 năm trước, ông chơi bài bạc, gây nợ nần và bà L phải lo trả nợ cho ông. Vào năm 2019, có việc bà L xin ly hôn ông tại Tòa án N dân huyện D, sau đó rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Từ đầu năm 2021 cho đến nay, ông và bà L không còn chung sống với nhau do bà L cùng các con chung về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Hiện ông H đã thay đổi tính tình, chăm lo làm ăn và vẫn còn tình cảm với bà L nên ông mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ với nhau để chăm lo các con, xây dựng gia đình hạnh phúc nên ông H không đồng ý ly hôn. Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông H và bà L ly hôn, ông H đồng ý giao 02 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 17/11/2012 và Nguyễn Ngọc Mỹ Y, sinh năm 26/9/2008 cho bà L nuôi dưỡng. Do hiện nay ông H chưa có việc làm ổn định nên ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Ông H xác định không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà L được ly hôn với ông H; về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 17/11/2012 và Nguyễn Ngọc Mỹ Y, sinh năm 26/9/2008 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông H không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Ông H và bà L không yêu cầu nên không xét; về nợ chung: ông H và bà L xác định không có nên không xem xét; về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Ngọc H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên H, huyện D vào năm 2007 nên đây là quan hệ hôn N hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời gian chung sống giữa nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L và bị đơn ông Nguyễn Ngọc H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc ông H chơi cờ bạc, gây nợ nần, không có sự quan tâm, chia sẻ trách nhiệm chăm sóc gia đình và nuôi dưỡng các con chung cùng với bà L. Điều này đã được ông H thừa nhận tại các lời khai ở hồ sơ vụ trong quá trình vụ án. Ngoài ra, giữa bà L và ông H đã từng giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện D nhưng sau đó vì muốn cho ông H cơ hội sửa sai, thay đổi bản thân nên bà L đã rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ, về chung sống lại với nhau. Nhưng đến nay, ông H vẫn không thay đổi, bà L tiếp tục có đơn yêu cầu ly hôn và hiện nay hai bên không còn chung sống từ đầu năm 2021. Vì vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngY đơn, cho bà L được ly hôn ông H.

[3]. Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 17/11/2012 và Nguyễn Ngọc Mỹ Y, sinh năm 26/9/2008. Tại phiên tòa, bà L có yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung; theo lời khai của ông H ở hồ sơ vụ án thể hiện ông H cũng đồng ý giao các con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét các con chung hiện đang ở với bà L và cũng có nguyện vọng mong muốn bà L chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xét cần giao các con chung bà L trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý; đồng thời ghi nhận sự tự nguyện bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà L và ông H đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung

[4]. Về tài sản chung: Bà L và ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Bà L và ông H đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bà L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị Mỹ L được ly hôn ông Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Thành N, sinh ngày 17/11/2012 và Nguyễn Ngọc Mỹ Y, sinh năm 26/9/2008 cho bà Lê Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Nguyễn Ngọc H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà L và ông H đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Ngọc H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn N và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai số AA/2021/0007483 ngày 17/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Diên H, D (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc L